

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	14 - 61



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1332/QĐ-BXD ngày 17 tháng 08 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 số 0500313811 ngày 16 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp được chuyển đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000212 ngày 21 tháng 9 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 11 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi ngành nghề kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ và cơ cấu lại các đơn vị trực thuộc.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : 04 33 545 735
- Fax : 04 33 542 280

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành công nghiệp hóa chất, khai khoáng;
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:
 - Xây dựng các công trình: Thủy điện, thủy lợi, giao thông và bu điện;
 - Xây lắp hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp đến 500 KV; xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp; xây lắp kết cấu công trình;
 - Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng, khu công nghiệp;
 - Xây dựng và lắp đặt các nhà máy xử lý nước sạch và xử lý nước thải; xây dựng các nhà máy thủy điện;
- ✓ Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí;
- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác cát, sỏi, đá làm đường và xây dựng;
- ✓ Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch: vận tải hàng hóa đường bộ;
- ✓ Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cơ điện lạnh, điện chiếu sáng của các tòa nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- ✓ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa thông tin và điều khiển của các tòa nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Cung cấp, mua bán, lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy và hệ thống phòng cháy chữa cháy ;
- ✓ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng lắp ráp: Tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và cho các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Hoạt động kinh doanh bất động sản; Dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng, khu đô thị và nhà cao tầng;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm); Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây dựng và công nghệ xây dựng;
- ✓ Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bia (bia hơi, bia tươi, bia chai và bia hộp).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014
Ông Trần Văn Ngự	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014
Ông Phạm Việt Cường	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014
Ông Dương Hoài Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2014
Ông Đặng Xuân Thư	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Vũ Hải	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2011
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2006
Ông Phạm Lạp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 8 năm 2010
Ông Vi Giang Khu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2014

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tuấn (bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2014).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

11
H
G
M
V
&
A
1
1



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khánh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 214/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2016, từ trang 07 đến trang 61, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1

Trần Kim Anh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2013-008-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		747.515.158.823	755.012.218.784
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	209.014.051.321	110.417.623.221
1. Tiền	111		129.014.051.321	110.417.623.221
2. Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14.317.908.365	16.770.650.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	22.688.821.388	22.749.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2	(8.370.913.023)	(5.978.350.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		385.770.751.301	449.558.631.643
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	355.675.435.396	445.546.375.937
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	31.908.155.156	25.244.021.455
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	795.721.745	795.721.745
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	44.587.818.301	43.395.568.001
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(47.196.379.297)	(65.473.055.495)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	50.000.000
IV. Hàng tồn kho	140		129.202.123.456	173.777.938.377
1. Hàng tồn kho	141	V.8	129.202.123.456	173.777.938.377
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.210.324.380	4.487.375.543
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	382.098.371	251.795.725
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.824.829.567	4.235.579.818
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	3.396.442	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		616.718.105.405	163.173.954.218
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.011.729.577	9.491.676.711
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	19.294.461.680	9.480.126.711
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	2.717.267.897	11.550.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		445.610.596.830	119.036.130.660
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	437.545.326.844	112.402.625.837
<i>Nguyên giá</i>	222		663.282.076.408	201.011.473.236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(225.736.749.564)	(88.608.847.399)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	8.065.269.986	6.633.504.823
<i>Nguyên giá</i>	228		9.109.699.495	8.334.150.660
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.044.429.509)	(1.700.645.837)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		121.811.899.744	30.781.628.450
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	121.811.899.744	30.781.628.450
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		27.283.879.254	3.864.518.397
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	4.409.429.948	3.788.520.072
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	2.325.222.552	75.998.325
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.14	20.549.226.754	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.364.233.264.228	918.186.173.002

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		946.559.257.170	628.185.103.446
I. Nợ ngắn hạn	310		653.210.852.653	562.990.912.362
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15a	152.825.826.984	157.249.084.648
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	57.551.036.654	80.196.494.492
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	39.409.045.253	40.270.918.408
4. Phải trả người lao động	314		27.966.501.589	28.932.796.581
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	18.129.306.062	16.279.996.201
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19a	2.650.356.798	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	82.801.806.119	67.044.463.907
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	240.882.037.055	172.161.965.284
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22a	29.103.965.859	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	1.890.970.280	855.192.841
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		293.348.404.517	65.194.191.084
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.15b	16.940.552.512	15.262.580.255
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19b	202.250.000	202.250.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	500.000.000	2.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	238.202.300.402	43.647.365.018
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.899.891.637	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.22b	35.603.409.966	4.081.995.811
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		417.674.007.058	290.001.069.556
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	417.674.007.058	290.001.069.556
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		115.531.050.000	115.531.050.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.531.050.000	115.531.050.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		37.566.527.623	42.566.527.623
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		20.000.000.000	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		67.247.066.956	69.274.913.540
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		104.043.433.846	51.128.578.393
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.319.792.538	51.128.578.393
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		91.723.641.308	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		73.285.928.633	11.500.000.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.364.233.264.228	918.186.173.002

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Lập, ngày 23 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.134.629.746.449	1.344.829.921.454
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		129.012.247	384.619.738
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.134.500.734.202	1.344.445.301.716
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	940.880.702.631	1.125.086.416.698
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		193.620.031.571	219.358.885.018
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.123.811.385	1.888.995.815
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	27.535.127.768	29.556.270.943
Trong đó: chi phí lãi vay	23		17.652.222.257	19.572.446.781
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	101.590.360	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	50.962.017.637	124.954.148.409
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		118.145.107.191	66.737.461.481
12. Thu nhập khác	31	VI.7	4.830.091.756	438.861.893
13. Chi phí khác	32	VI.8	5.886.737.947	9.587.093.631
14. Lợi nhuận khác	40		(1.056.646.191)	(9.148.231.738)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		117.088.461.000	57.589.229.743
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		22.214.652.071	12.658.091.739
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(349.332.590)	(45.929.402)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>95.223.141.519</u>	<u>44.977.067.406</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>91.723.641.308</u>	<u>44.977.067.406</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>3.499.500.211</u>	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>7.622</u>	<u>3.657</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	<u>7.622</u>	<u>3.657</u>

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Lập, ngày 23 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	117.088.461.000	57.589.229.743
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	22.778.813.996	15.518.151.745
- Các khoản dự phòng	03	44.741.266.839	61.852.422.767
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	165.196.304	(97.022)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.604.976.887)	(269.940.216)
- Chi phí lãi vay	06	17.652.222.257	19.572.446.781
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	199.820.983.509	154.262.213.798
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	63.597.379.084	(76.490.520.608)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	45.207.851.692	26.685.470.435
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(59.893.798.981)	(32.021.484.416)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	719.619.573	(635.004.804)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	60.178.612	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(12.496.858.669)	(19.091.876.064)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(18.001.547.587)	(4.122.150.212)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	5.399.213.167
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.538.890.336)	(7.484.233.167)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	216.474.916.897	46.501.628.129
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(101.716.203.573)	(27.685.585.493)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.032.045.453	252.527.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(795.721.745)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(85.183.693.735)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.649.632.821	75.479.488
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(184.218.219.034)	(28.153.300.477)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp và sản xuất điện thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện; Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện; Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ có cấp điện áp đến 500KV; Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty đã thực hiện xong việc chuyển công nợ phải thu thành vốn góp vào Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn với số tiền 20.000.000.000 VND, số cổ phần tương ứng là 2.000.000 Cổ phần, đồng thời mua thêm 1.548.576 cổ phần để tăng tỷ lệ sở hữu lên 56,71%. Trong năm, Công ty cũng thực hiện xong việc mua 5.407.590 cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ và hai công ty này trở thành Công ty con của Công ty.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 4 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Mua công ty con

Trong năm 2015, Tập đoàn mua 3.548.576 cổ phần tương ứng với 56,71% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn với giá mua là 35.594.689.000 VND. Mục đích của việc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn là để nắm giữ công ty con.

Ngoài ra, trong năm Tập đoàn cũng mua 5.407.590 cổ phần tương ứng với 65,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ với giá mua là 72.350.532.240 VND. Mục đích của việc mua Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ là để nắm giữ công ty con.

Chi tiết về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả của các công ty con được mua vào ngày mua và lợi thế thương mại như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Công ty Cổ phần Thủy Điện Đắc Đoạ	Cộng
Tài sản			
Tiền và các khoản tương đương tiền	608.909.463	2.152.613.408	2.761.522.871
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.394.873.325	11.364.806.117	18.759.679.442
Trả trước cho người bán ngắn hạn		89.038.500	89.038.500
Phải thu ngắn hạn khác		320.631.444	320.631.444
Hàng tồn kho	430.162.466	201.874.305	632.036.771
Chi phí trả trước ngắn hạn		5.121.725	5.121.725
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	3.396.442		3.396.442
Phải thu dài hạn khác		1.722.000.000	1.722.000.000
Tài sản cố định	120.599.977.154	216.450.334.366	337.050.311.520
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		225.936.480	225.936.480
Chi phí trả trước dài hạn		1.465.710.370	1.465.710.370
Nợ phải trả			
Phải trả người bán ngắn hạn	(9.723.115.555)	(10.893.647.547)	(20.616.763.102)
Người mua trả tiền trước	(114.055.760)		(114.055.760)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(723.501.858)	(3.973.137.176)	(4.696.639.034)
Phải trả người lao động	(3.648.765.667)	(847.571.648)	(4.496.337.315)
Chi phí phải trả ngắn hạn	(1.911.716.550)	(2.023.447.549)	(3.935.164.099)
Phải trả ngắn hạn khác	(20.612.613)	(14.631.104.591)	(14.651.717.204)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		(18.925.628.695)	(18.925.628.695)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(844.245.336)	(844.245.336)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	(68.490.009.004)	(88.550.209.016)	(157.040.218.020)
Giá trị hợp lý của tài sản thuần	44.405.541.843	93.309.075.157	137.714.617.000
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	19.221.556.181	32.564.868.241	51.786.424.422
Giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua (a)	25.183.985.662	60.744.206.916	85.928.192.578
Giá phí hợp nhất kinh doanh (b)	35.594.689.000	72.350.532.240	107.945.221.240
Lợi thế thương mại [(b) – (a)]	10.410.703.338	11.606.325.324	22.017.028.662
Tiền chi thuần để mua các công ty con:			
Trả bằng tiền			87.945.221.240
Chuyển vốn góp thành công nợ			20.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền của các công ty con tại ngày mua			(2.761.522.871)
Tiền chi thuần			105.183.698.369

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bao gồm doanh thu thuần của Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn và Công ty Cổ phần Thủy Điện Đắc Đoạ tương ứng là 8.006.425.954 VND và 17.068.714.751 VND, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng là 3.318.341.686 VND và 5.911.490.975 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nếu việc hợp nhất kinh doanh này được thực hiện từ ngày đầu năm tài chính thì doanh thu thuần của Tập đoàn sẽ tăng thêm 49.534.449.675 VND và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ tăng thêm 8.940.759.451 VND.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	BT03-Vị trí 24, khu đô thị mới Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây dựng công trình điện	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông	Bản Tin Tốc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La Số 182, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5,	Sản xuất điện thương phẩm	65,28%	65,28%	70%	70%
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	56,71%	0%	56,71%	0%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa			65,1%	0%	65,1%	0%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Theo trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các quy định kế toán mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Tập đoàn và Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 2.231 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.635 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam – Chi nhánh Hà Tây (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại khoản mục “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được xác định cho từng công trình như sau:
+ Đối với công trình đấu thầu, Công ty xác định được giá thành nội bộ:

$$\text{Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm} = \text{Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu năm} + \text{Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong năm} - \text{Giá vốn hàng bán trong năm}$$

Trong đó:

$$\text{Giá vốn hàng bán trong năm} = \frac{\text{Giá thành nội bộ}}{\text{Tổng doanh thu}} \times \text{Doanh thu ghi nhận trong năm}$$

+ Đối với các công trình khác

$$\text{Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm} = \text{Giá trị sản lượng dở dang cuối năm} - \text{Thu nhập chịu thuế tính trước} - \text{Các khoản phụ phí (nếu có)} - \text{Chi phí quản lý ước tính} - \text{Lãi vay ước tính nếu có}$$

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí bóc phủ khai thác đá

Chi phí bóc phủ khai thác đá bao gồm các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc bóc hết lớp đất phủ trên mỏ đá của Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.7 trước khi Chi nhánh chính thức hoạt động khai thác đá xây dựng. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm kể từ khi Chi nhánh bắt đầu hoạt động khai thác đá.

Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại

Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 8 năm 2008 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

Chi phí trồng rừng thay thế

Chi phí trồng rừng thay thế được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 4 năm

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 50
Máy móc và thiết bị	3 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 6
Tài sản cố định khác	5

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Giá trị lợi thế kinh doanh và Thương hiệu Sông Đà

Giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty và giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty Sông Đà 11 và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 10 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn là dự phòng bảo hành công trình xây dựng, được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 2,5 - 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên tỷ lệ giữ lại bảo hành theo điều khoản hợp đồng xây dựng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

25. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.166.470.808	2.016.894.261
Tiền gửi ngân hàng	126.847.580.513	108.400.728.960
Các khoản tương đương tiền	80.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	80.000.000.000	-
Cộng	<u>209.014.051.321</u>	<u>110.417.623.221</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn chỉ có chứng khoán kinh doanh. Thông tin về các khoản chứng khoán kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<i>Cổ phiếu</i>	22.688.821.388	14.317.908.365	(8.370.913.023)	22.749.000.000	16.770.650.000	(5.978.350.000)
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	14.939.821.388	8.400.000.000	(6.539.821.388)	15.000.000.000	10.010.000.000	(4.990.000.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	5.952.000.000	5.684.298.365	(267.701.635)	5.952.000.000	5.952.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	1.797.000.000	233.610.000	(1.563.390.000)	1.797.000.000	808.650.000	(988.350.000)
Cộng	<u>22.688.821.388</u>	<u>14.317.908.365</u>	<u>(8.370.913.023)</u>	<u>22.749.000.000</u>	<u>16.770.650.000</u>	<u>(5.978.350.000)</u>

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh: giảm do bán 15.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 102.000.000 VND; đồng thời mua 15.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 89.821.388 VND.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(5.978.350.000)	(570.000.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	(2.392.563.023)	(5.408.350.000)
Số cuối năm	<u>(8.370.913.023)</u>	<u>(5.978.350.000)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	93.101.367.002	109.117.831.575
Tổng Công ty Sông Đà	80.915.497.314	74.634.988.906
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn		23.174.493.507
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	342.191.931	
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	50.668.981	50.668.981
Công ty Cổ phần thủy điện Nậm He	1.326.185.000	1.326.185.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long		732.354.681
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	130.149.150	260.483.474
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	397.835.695	2.061.774.691
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	2.061.029.933	619.776.818
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.336.225.782	1.721.566.349
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	20.242.990	1.288.190.538
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	1.347.773.874	1.235.128.928
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	442.001.747	444.227.349
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	636.877.179	750.896.912
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	56.100.997	
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	1.378.038.218	
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	720.015.102	
Công ty Cổ phần Someco	1.605.174.146	684.482.681
Công ty TNHH MTV kỹ thuật công nghệ Someco	44.786.104	44.786.104
Công ty CP ĐT& XD Sông Đà 9	68.297.726	
Cty CP Sông Đà 10.9	77.218.680	
Công ty Cổ phần Sông Đà 8	87.826.656	87.826.656
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà Ucrin	57.229.797	
Phải thu các khách hàng khác	262.574.068.394	336.428.544.362
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc	63.091.780.243	90.308.564.256
BQL Dự án các Công trình điện Miền Nam	50.203.666.866	47.992.623.394
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung	16.503.721.034	40.010.623.509
Công ty Cổ phần Cơ khí thiết bị điện Hà Nội	14.596.707.858	17.642.175.858
Phải thu khách hàng khác	118.178.192.393	140.474.557.345
Cộng	355.675.435.396	445.546.375.937

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan		
Phải thu các khách hàng khác	19.294.461.680	9.480.126.711
Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc	6.944.510.305	9.480.126.711
Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	2.534.141.687	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đrinh	4.730.622.712	
Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na	2.023.920.140	
Các khách hàng khác	3.061.266.836	
Cộng	19.294.461.680	9.480.126.711

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	31.908.155.156	25.244.021.455
Công ty B Fouress	4.621.875.000	6.270.273.000
Công ty cáp điện lực Kevin Việt Nam	7.224.376.237	
Công ty Giải pháp Năng lượng Việt	4.291.977.431	
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy biến thế và Thiết bị điện Đông Anh Hà Nội	4.124.450.000	
Các nhà cung cấp khác	11.645.476.488	18.973.748.455
Cộng	31.908.155.156	25.244.021.455

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho Công ty Cổ phần điện Việt Lào vay.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	128.089.097		55.479.488	
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào - Lãi vay	128.089.097		55.479.488	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	44.459.729.204		43.340.088.513	
Ký cược, ký quỹ	62.468.896		45.800.000	
Tạm ứng	32.476.039.011		23.480.907.839	
Phải thu của CBCNV	1.680.466.848		2.423.325.788	
Phải thu các đội công trình	502.330.018		4.014.830.461	
Tiền cổ tức phải thu	695.750.000		695.750.000	
Tiền đền bù GPMB chi hộ chủ đầu tư	3.102.361.540		6.817.394.442	
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	565.763.980			
Tổng công ty Điện lực Miền Trung (*)	287.000.000			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.087.548.911		5.862.079.983	
Cộng	44.587.818.301		43.395.568.001	

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.717.267.897	11.550.000
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.282.267.897	11.550.000
Tổng công ty Điện lực Miền Trung (*)	1.435.000.000	
Cộng	2.717.267.897	11.550.000

(*) là khoản tiền phải thu lại theo “Biên bản thỏa thuận về việc cam kết góp và hoàn trả vốn thực hiện chống quá tải đường dây 110 kv Pleiku-Kontum”. Theo đó, Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa góp 2.870.000.000 đồng để Tổng công ty Điện lực Miền Trung (PC3) thực hiện đầu tư công trình chống quá tải đường dây 110kv Pleiku-Kontum. Sau 6 tháng kể từ khi công trình hoàn thành đóng điện vận hành, số tiền này sẽ được hoàn trả trong 10 năm (mỗi năm 10%).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc	
Các bên liên quan		31.394.779.371		31.167.801.492	Giá trị có thể thu hồi 3.678.148.680
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn					
<i>Tiền khối lượng xây lắp</i>	<i>Từ 2 đến 3 năm</i>		<i>Từ 1 đến 2 năm</i>	23.174.493.507	3.678.148.680
Tổng Công ty Sông Đà					
<i>Tiền nước</i>	<i>Trên 3 năm</i>	364.235.777	- <i>Trên 3 năm</i>	364.235.777	-
<i>Tiền khối lượng xây lắp</i>	<i>Trên 3 năm</i>	28.096.948.677	<i>Trên 3 năm</i>	7.412.862.652	-
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà					
<i>Tiền khối lượng xây lắp</i>	<i>Trên 3 năm</i>	216.209.556	<i>Trên 3 năm</i>	216.209.556	
Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền					
<i>Tiền khối lượng xây lắp</i>	<i>Từ 1 đến 2 năm</i>	2.933.594.917			1.000.000.000
Các tổ chức và cá nhân khác		40.841.547.321		44.245.034.640	6.261.631.957
Công ty Cổ phần Cơ khí và thiết bị điện Hà Nội					
<i>Tiền khối lượng xây lắp</i>	<i>Trên 3 năm</i>	12.156.428.764	- <i>Từ 2 đến 3 năm</i>	17.642.175.858	1.127.854.211
Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long					
<i>Tiền khối lượng xây lắp</i>	<i>Trên 3 năm</i>	11.768.729.092	<i>Trên 3 năm</i>	9.097.960.814	<i>Trên 3 năm</i>
Các tổ chức và cá nhân khác		16.916.389.465		17.504.897.968	5.133.777.746
Cộng		72.236.326.692		75.412.836.132	9.939.780.637

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	65.473.055.495		65.473.055.495
Trích lập dự phòng bổ sung	8.355.067.651		8.355.067.651
Hoàn nhập dự phòng	(26.631.743.849)		(26.631.743.849)
Số cuối năm	47.196.379.297		47.196.379.297

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	25.187.060.521		22.972.115.143	
Công cụ, dụng cụ	634.090.965		6.570.790.870	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	103.380.971.970		144.235.032.364	
Cộng	129.202.123.456		173.777.938.377	

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	227.319.961	251.795.725
Chi phí bảo hiểm	122.326.797	
Chi phí thuê văn phòng, nhà kho	32.451.613	
Cộng	382.098.371	251.795.725

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	1.508.222.517	2.654.360.985
Chi phí bóc phủ mỏ đá		327.909.087
Thương hiệu Sông Đà	312.500.000	537.500.000
Lợi thế thương mại	268.750.000	268.750.000
Chi phí trồng rừng thay thế	2.232.457.431	
Phí kiểm định an toàn đập	87.500.000	
Cộng	4.409.429.948	3.788.520.072

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	83.221.970.194	84.054.475.650	32.696.024.064	1.039.003.328		201.011.473.236
Số đầu năm	267.889.181.110	165.350.990.846	13.053.020.213	936.663.167	7.504.685.906	454.734.541.242
Tăng do mua công ty con		10.452.542.461		82.681.818		10.535.224.279
Mua trong năm	292.029.782					292.029.782
Đầu tư XDCB hoàn thành		84.614.698				84.614.698
Tăng khác		(942.341.125)	(2.376.735.704)	(56.730.000)		(3.375.806.829)
Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối năm	351.403.181.086	259.000.282.530	43.372.308.573	2.001.618.313	7.504.685.906	663.282.076.408
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	413.956.007	10.545.628.577	10.045.398.092	641.784.219		21.646.766.895
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	24.894.490.566	38.649.372.680	24.188.598.797	876.385.356		88.608.847.399
Tăng do mua công ty con	51.946.109.824	56.916.583.737	6.518.417.252	503.364.641	3.322.925.083	119.207.400.537
Khấu hao trong năm	5.785.018.120	12.197.680.996	3.019.385.574	98.615.481	118.906.899	21.219.607.070
Thanh lý, nhượng bán		(865.639.738)	(2.376.735.704)	(56.730.000)		(3.299.105.442)
Số cuối năm	82.625.618.510	106.897.997.675	31.349.665.919	1.421.635.478	3.441.831.982	225.736.749.564
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	58.327.479.628	45.405.102.970	8.507.425.267	162.617.972		112.402.625.837
Số cuối năm	268.777.562.576	152.102.284.855	12.022.642.654	579.982.835	4.062.853.924	437.545.326.844

Trong đó: Tạm thời chưa sử dụng
Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 381.159.956.021 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Lợi thế kinh doanh	Thương hiệu Sông Đà	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	6.604.680.234	729.470.426	1.000.000.000		8.334.150.660
Tăng do mua công ty con	-	-	-	2.505.019.261	2.505.019.261
Giảm trong năm	-	(729.470.426)	(1.000.000.000)	-	(1.729.470.426)
Số cuối năm	6.604.680.234	-	-	2.505.019.261	9.109.699.495

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Giá trị hao mòn

Số đầu năm		717.312.502	983.333.335		1.700.645.837
Tăng do mua công ty con				981.849.080	981.849.080
Khấu hao trong năm	-	12.157.924	16.666.665	62.580.429	91.405.018
Giảm trong năm		(729.470.426)	(1.000.000.000)		(1.729.470.426)
Số cuối năm	-	-	-	1.044.429.509	1.044.429.509

Giá trị còn lại

Số đầu năm	6.604.680.234	12.157.924	16.666.665	-	6.633.504.823
Số cuối năm	6.604.680.234	-	-	1.460.589.752	8.065.269.986

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng

Đang chờ thanh lý

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Tăng do mua công ty con	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển chi phí	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-		10.492.042.461	(10.492.042.461)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	30.655.308.450	225.936.480	91.448.127.344	(292.029.782)	-	121.952.727.794
Công trình Thủy Điện To Buông	30.447.952.082		89.149.881.850			119.285.833.932
Các công trình khác	207.356.368	225.936.480	2.213.630.796	(292.029.782)	-	2.354.893.862
Sửa chữa lớn tài sản cố định	126.320.000		176.152.300		(131.300.350)	171.171.950
Cộng	30.781.628.450	225.936.480	102.031.707.407	(10.784.072.243)	(131.300.350)	121.811.899.744

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Hoàn nhập tài sản thuế hoãn lại	Số cuối năm
Thu nhập từ bán tài sản trong nội bộ	30.068.923			30.068.923
Khấu hao của tài sản mua bán nội bộ	45.929.402	21.464.278	(14.814.895)	52.578.785
Dự phòng bảo hành công trình		2.242.574.844		2.242.574.844
Cộng	75.998.325	2.264.039.122	(14.814.895)	2.325.222.552

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 22%).

14. Lợi thế thương mại

	Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	10.410.703.338	11.606.325.324	22.017.028.662
Tăng do hợp nhất kinh doanh	10.410.703.338	11.606.325.324	22.017.028.662
Số cuối năm			
Số đã phân bổ			
Số đầu năm	694.046.888	773.755.020	1.467.801.908
Phân bổ trong năm	694.046.888	773.755.020	1.467.801.908
Số cuối năm			
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	9.716.656.450	10.832.570.304	20.549.226.754
Số cuối năm			

15. Phải trả người bán

15a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	20.205.513.257	3.718.254.113
Tổng Công ty Sông Đà	335.085.416	266.916.678
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	47.508.259	150.255.124
Công ty Cổ phần Thép Việt Ý	8.472.109	8.472.109
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He		383.305.000
Công ty cổ phần Sông Đà 3	3.542.814.629	
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà	15.052.744.388	2.894.466.265
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	216.065.778	14.838.937
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	1.002.822.678	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các nhà cung cấp khác	132.620.313.727	153.530.830.535
Công ty CP tập đoàn Hanaka	13.668.826.003	
Công ty CP XL&DV Sông Đà	8.368.145.018	
Công ty TNHH MTV Xây dựng Trần Hưng Phát		9.116.338.316
Công ty TNHH Minh Bảo Quảng Ninh	1.198.819.928	3.075.212.115
Công ty TNHH XD&TM Nghĩa Tân	900.144.756	6.576.478.290
Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn & Cơ khí Bình Dương		7.004.110.093
Công ty TNHH ABB	5.020.583.056	7.020.583.056
Tổng Công ty Điện lực Lào	1.993.130.424	4.129.267.220
Công ty TNHH MTV TN Điện Miền Trung	4.031.416.742	5.531.416.742
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà	5.592.212.947	5.607.051.884
Các nhà cung cấp khác	91.847.034.853	105.470.372.819
Cộng	152.825.826.984	157.249.084.648
15b. Phải trả người bán dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	665.205.575
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	-	665.205.575
Phải trả các nhà cung cấp khác	16.940.552.512	14.597.374.680
Công ty Cổ phần Xây dựng EVN quốc tế 1	268.806.184	3.788.357.133
Công ty TNHH BTDS & Cơ khí Bình Dương	6.000.712.266	3.160.380.136
CTCP ống sợi thủy tinh Nghi Sơn	1.561.050.947	
CTCP Đầu tư Khánh Hưng	1.338.049.898	
Công ty TNHH Minh Bảo Quảng Ninh	1.198.819.928	
CTCP xây lắp và dịch vụ Sông Đà	1.138.959.071	
Các nhà cung cấp khác	5.434.154.218	7.648.637.411
Cộng	16.940.552.512	15.262.580.255
15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán		
Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.		
16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	-	9.502.414.150
Tổng Công ty Sông Đà	-	9.502.414.150
Trả trước của các khách hàng khác	57.551.036.654	70.694.080.342
BQL Dự án các công trình điện Miền Nam	11.919.364.926	38.066.410.541
BQL Dự án các công trình điện Miền Bắc	19.693.703.070	15.374.798.774
BQL Dự án các công trình điện Miền Trung	9.426.399.718	6.984.773.955
BQL ĐTPT các cụm, điểm Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp	4.000.000.000	4.000.000.000
Các khách hàng khác	12.511.568.940	6.268.097.072
Cộng	57.551.036.654	80.196.494.492

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		
	Phải nộp	Phải thu	Tăng do mua Công ty con	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	21.156.083.077		2.671.076.508	52.081.673.329	(66.925.596.795)	8.983.236.119	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu				1.480.561.743	(1.237.378.143)	243.183.600	
Thuế xuất, nhập khẩu				47.943.324	(47.943.324)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.513.378.571		103.586.067	22.214.652.071	(18.001.547.587)	19.830.069.122	3.396.442
Thuế thu nhập cá nhân	1.970.752.432		63.545.905	1.814.714.314	(3.015.936.145)	833.076.506	
Thuế tài nguyên	306.566.286		1.167.532.451	2.818.341.830	(3.149.188.061)	1.143.252.506	
Thuế nhà đất	145.201					145.201	
Tiền thuế đất				24.500.000	(24.500.000)		
Thuế bảo vệ môi trường	788.010.039			495.946.114	(1.084.724.193)	199.231.960	
Các loại thuế khác				35.944.566	(35.944.566)		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	535.982.802		666.398.103	9.686.073.900	(2.711.604.566)	8.176.850.239	
Cộng	40.270.918.408		4.672.139.034	90.700.351.191	(96.234.363.380)	39.409.045.253	3.396.442

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm, vật tư 10%
- Hoạt động cung cấp nước sạch 5%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3758 ngày 07 tháng 06 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (Công ty mẹ) được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Dự án đầu tư công trình Thủy điện Thác Trắng). Công ty mẹ áp dụng ưu đãi thuế theo điểm 6, điều 36 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp: Dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư và thực hiện tại địa bàn quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Theo đó, Công ty mẹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nhà máy thủy điện Thác Trắng trong 04 năm kể từ năm 2012 và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang thì Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nhà máy thủy điện Sông Miện trong 04 năm kể từ khi có lãi và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

năm tiếp theo, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cấp thì Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nhà máy thủy điện Đăk Đoa trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% áp dụng trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	117.088.461.000	57.589.229.743
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	7.178.652.757	10.309.309.406
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	17.487.951.372	18.204.851.729
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	(10.309.298.615)	(7.895.542.323)
Thu nhập chịu thuế	124.267.113.757	67.898.539.149
Thu nhập được miễn thuế	(16.241.451.914)	
Lỗi các năm trước được chuyển	(3.318.341.686)	
Thu nhập tính thuế	104.707.320.157	67.898.539.149
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	23.035.610.434	14.937.678.613
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(757.024.245)	(2.618.876.673)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(315.426.769)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	21.963.159.420	12.318.801.940
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	251.492.651	339.289.799
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	22.214.652.071	12.658.091.739

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 5% giá tính thuế (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 4%/ giá tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	4.545.454	-
Tổng Công ty Sông Đà - Chi phí thuê nhà xưởng	4.545.454	
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	18.124.760.608	16.279.996.201
Chi phí lãi vay phải trả	2.226.340.347	867.675.507
Trích trước chi phí công trình xây dựng	14.159.367.417	12.208.206.095
Chi phí chưa có hóa đơn	1.135.616.856	3.204.114.599
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	603.435.988	
Cộng	18.129.306.062	16.279.996.201

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn

19a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>		
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.650.356.798	
Hạng mục lắp đặt thiết bị cơ điện - Công trình thủy điện Đồng Nai 5	683.923.378	
Hạng mục tiếp địa và móng cột - công trình thủy điện Xekaman 1	1.966.433.420	
Cộng	2.650.356.798	

19b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là phí ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7.

20. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

20a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	2.254.000.000	2.112.966.780
Tổng Công ty Sông Đà - tiền Jurong Engineering Limited trả	2.254.000.000	2.112.966.780
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	80.547.806.119	64.931.497.127
Tài sản thừa chờ xử lý	-	3.017.210.481
Kinh phí công đoàn	1.830.261.539	2.080.731.246
Bảo hiểm xã hội	1.257.708.204	1.418.902.217
Tiền ủy thác góp vốn của CBNV	2.022.500.000	2.022.500.000
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng trả hộ chủ đầu tư	12.149.127.025	1.323.352.980
Phải trả các đối tiền khoán công trình	33.306.882.792	38.690.081.153
Thuế thu nhập cá nhân phải trả nước Lào	2.152.053.016	1.993.188.846
Cổ tức phải trả	8.567.780.573	804.000.973
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	19.261.492.970	13.581.529.231
Cộng	82.801.806.119	67.044.463.907

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>500.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	500.000.000	1.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược		1.000.000.000
Cộng	<u>500.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>

20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính

21a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>240.882.037.055</i>	<i>172.161.965.284</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	196.807.580.069	158.229.265.284
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	40.103.268.635	40.112.242.238
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	109.779.389.797	111.894.506.901
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ	46.924.921.637	6.222.516.145
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	1.297.330.080	-
<i>Vay Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Công trình ngầm Việt Nam</i>	<i>1.297.330.080</i>	
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	42.777.126.906	13.932.700.000
Cộng	<u>240.882.037.055</u>	<u>172.161.965.284</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay ngắn hạn các tổ chức khác</u>	<u>Vay ngắn hạn các cá nhân</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	158.229.265.284			13.932.700.000	172.161.965.284
Số tiền vay phát sinh	266.970.348.471				266.970.348.471
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn				42.371.258.198	42.371.258.198
Tặng do mua công ty con		1.297.330.080	5.139.693.151	14.288.605.464	20.725.628.695
Số tiền vay đã trả	(228.392.033.686)		(5.139.693.151)	(27.815.436.756)	(261.347.163.593)
Số cuối năm	<u>196.807.580.069</u>	<u>1.297.330.080</u>	<u>-</u>	<u>42.777.126.906</u>	<u>240.882.037.055</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>232.716.164.764</i>	<i>87.294.730.036</i>
Vay dài hạn ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	111.334.591.540	40.425.284.900
- Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱ⁾	5.342.882.087	803.877.653
- Chi nhánh Đông Đô ⁽ⁱⁱ⁾	3.919.862.697	5.239.862.697
- Chi nhánh Điện Biên ⁽ⁱ⁾	102.071.846.756	34.381.544.550
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung ^(iv)	3.878.721.160	1.032.210.436
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công ^(v)	1.144.769.682	2.189.869.682
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hà Giang ^(vi)	58.590.009.004	
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ^(vii)	63.254.209.016	
Cộng	<u>238.202.300.402</u>	<u>43.647.365.018</u>

(i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn số 01/2014/HĐTD ngày 14/5/2014, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp và hợp đồng tín dụng số 02/2015/177782/HĐTD ngày 08/06/2015, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp năm 2015.

(ii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2012/HĐTD, vay để thực hiện dự án đầu tư mua sàn tầng 7- Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông.

(iii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD ngày 12/10/2013, tổng số tiền vay 136.270.000.000 VND. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư, xây dựng dự án do Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông đầu tư. Lãi suất bằng lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của bên cho vay cộng phí tối thiểu 5%/năm và được điều chỉnh linh hoạt theo từng thời kỳ. Thời hạn vay 180 tháng trong đó thời gian ân hạn 24 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên.

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 31/2014/HĐTDDA ngày 13 tháng 10 năm 2014 để thực hiện dự án "Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp 2014". Khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.026.815.464 VND và 2.444.197.349 VND. Lãi suất đi vay xác định trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 1 tháng/lần.

Hợp đồng tín dụng số 19/2015/HĐTDDA/NHCT324-SĐTL ngày 06 tháng 7 năm 2015 để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng trụ sở văn phòng chi nhánh 11.5 Thăng Long tại thành phố Đà Nẵng. Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền tài sản, quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất đi vay xác định trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 3 tháng/lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hợp đồng tín dụng số 39/2015/HĐTDDA/NHCT324-SĐTL ngày 06 tháng 7 năm 2015 để thực hiện dự án "Đầu tư máy móc thiết bị nâng cao năng lực thi công xây lắp". Khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 1.673.181.818 VND và 1.522.954.478 VND. Lãi suất đi vay xác định trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 3 tháng/lần.

- (v) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2013/TH/SDTL ngày 13 tháng 09 năm 2013 để mua máy móc thiết bị thực hiện dự án "Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2013". Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và xe ô tô đã qua sử dụng theo hợp đồng thế chấp số 01/2013/TH/SDTL ngày 12/09/2013, có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 2.696.508.765 VND và 588.198.727 VND. Lãi suất thả nổi từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Thành Công.
- (vi) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 8200-LAV200901558/HĐTD ngày 26/3/2009 để thanh toán một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Công trình Thủy điện Sông Miện với số tiền vay tối đa là 90.000.000.000 VND (Chín mươi tỷ đồng). Lãi suất tiền vay theo lãi suất thả nổi được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Hà Giang tự điều chỉnh, tối đa 6 tháng một lần. Thời hạn cho vay 132 tháng (11 năm) kể từ ngày giải ngân đầu tiên (bao gồm 2 năm ân hạn), bên vay sẽ hưởng thời hạn ân hạn là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- (vii) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai theo các hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư sau:
- Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư số 01/2007/HĐTD ngày 27/12/2007 để đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị Nhà máy Thủy điện Đăk Đoa với số tiền vay 125.400.000.000 VND; thời hạn vay 120 tháng (từ tháng 01/2008 đến tháng 12/2017); thời gian ân hạn gốc là 24 tháng (từ 01/2008 đến 12/2009). Lãi suất trong hạn 8,4%/năm, được giữ cố định trong suốt thời hạn vay vốn. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn (12,6%). Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư số 02/2007/HĐTD ngày 27/12/2007 để đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị Nhà máy điện Đăk Đoa với số tiền vay 52.600.000.000 VND; thời hạn vay 120 tháng (từ tháng 01/2008 đến tháng 12/2017); thời gian ân hạn gốc là 24 tháng (từ 01/2008 đến 12/2009). Lãi suất trong hạn 8,4%/năm, được giữ cố định trong suốt thời hạn vay vốn. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn (12,6%). Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư số 04/2011/HĐTĐĐT-NHPT.GLA ngày 27/06/2011 để thanh toán chi phí xây dựng, thiết bị của dự án Thủy điện Đăk Đoa theo Quyết định số 68/QĐ-HĐQT ngày 30/12/2011 về việc phê duyệt tổng mức đầu tư điều chỉnh dự án Thủy điện Đăk Đoa với số tiền vay là 12.820.000.000 VND, thời gian vay 82 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên đến hết tháng 12/2017; thời gian ân hạn gốc là 07 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Lãi suất trong hạn: được áp dụng lãi suất cho vay thỏa thuận theo quy định của Ngân hàng Phát triển Việt Nam tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng (15,6%/năm). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	42.777.126.906	13.932.700.000
Trên 1 năm đến 5 năm	136.130.453.646	13.692.367.374
Trên 5 năm	102.071.846.756	29.954.997.644
Cộng	<u>280.979.427.308</u>	<u>57.580.065.018</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	43.647.365.018	23.478.393.197
Số tiền vay phát sinh	78.324.276.814	34.875.085.733
Lãi vay nhập gốc	3.796.698.748	
Tặng do mua Công ty con	155.240.218.020	
Số tiền vay đã trả	(435.000.000)	(773.413.912)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(42.371.258.198)	(13.932.700.000)
Số cuối năm	<u>238.202.300.402</u>	<u>43.647.365.018</u>

22. Dự phòng phải trả

22a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	29.103.965.859
Tặng do trích lập	
Số cuối năm	<u>29.103.965.859</u>

22b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	4.081.995.811
Tặng do trích lập	31.557.414.155
Sử dụng dự phòng	(36.000.000)
Số cuối năm	<u>35.603.409.966</u>

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tặng do mua Công ty con</u>	<u>Tặng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	855.192.841	844.245.336	2.130.422.439	(1.938.890.336)	1.890.970.280
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành			600.000.000	(600.000.000)	-
Cộng	<u>855.192.841</u>	<u>844.245.336</u>	<u>2.730.422.439</u>	<u>(2.538.890.336)</u>	<u>1.890.970.280</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**24. Vốn chủ sở hữu****24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	115.531.050.000	42.587.700.408	(128.058.585)	67.722.375.106	-	22.449.655.421	11.500.000.000	259.662.722.350
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	44.977.067.406	-	44.977.067.406
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.552.538.434	-	(2.440.538.434)	-	(888.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(13.857.606.000)	-	(13.857.606.000)
Phát hành cổ phiếu quỹ	-	(21.172.785)	128.058.585	-	-	-	-	106.885.800
Số dư cuối năm trước	115.531.050.000	42.566.527.623	-	69.274.913.540	-	51.128.578.393	11.500.000.000	290.001.069.556
Số dư đầu năm nay	115.531.050.000	42.566.527.623	-	69.274.913.540	-	51.128.578.393	11.500.000.000	290.001.069.556
Tăng do mua thêm công ty con	-	-	-	-	-	-	51.786.424.422	51.786.424.422
Tăng vốn từ lợi nhuận và các quỹ	-	(5.000.000.000)	-	(13.600.351.109)	20.000.000.000	(1.399.648.891)	-	-
Góp vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	6.500.004.000	6.500.004.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	91.723.641.308	3.499.500.211	95.223.141.519
Trích lập các quỹ	-	-	-	11.572.504.525	-	(14.302.926.964)	-	(2.730.422.439)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(23.106.210.000)	-	(23.106.210.000)
Số dư cuối năm nay	115.531.050.000	37.566.527.623	-	67.247.066.956	20.000.000.000	104.043.433.846	73.285.928.633	417.674.007.058

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước (Tổng Công ty Sông Đà)	31.030.000.000	31.030.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	84.501.050.000	84.501.050.000
Cộng	115.531.050.000	115.531.050.000

24c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.553.105	11.553.105
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24d. Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác của chủ sở hữu tăng trong kỳ là phần vốn điều lệ tăng thêm trong năm tại Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐQT ngày 16/4/2015 của HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Theo đó, HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 11 đã phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long từ 50 tỷ đồng lên 70 tỷ đồng từ các nguồn sau:

	VND
Thặng dư vốn cổ phần	5.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	11.282.774.886
Quỹ dự phòng tài chính	2.317.576.243
Lợi nhuận năm 2014 để lại	1.399.648.891
Cộng	20.000.000.000

24e. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Tập đoàn đã phân phối lợi nhuận như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	23.106.210.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	11.572.504.525
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	2.730.424.439

25. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	11.500.000.000	1.200.000.000
Tăng do mua thêm công ty con	51.786.424.422	
Tăng do vốn góp trong năm	6.500.004.000	10.300.000.000
Lợi nhuận trong năm	3.499.500.211	
Số cuối năm	<u>73.285.928.633</u>	<u>11.500.000.000</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa		1.913.560.182
Doanh thu bán điện thương phẩm	50.703.870.529	23.878.428.960
Doanh thu hợp đồng xây dựng	931.125.500.073	1.184.226.836.054
Doanh thu hoạt động khác	152.800.375.847	134.811.096.258
Cộng	<u>1.134.629.746.449</u>	<u>1.344.829.921.454</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng công ty Sông Đà		
Cơ quan Tổng công ty		
Doanh thu xây lắp	126.086.952.028	19.559.809.213
Tổng Công ty cung cấp dịch vụ	31.818.182	
Lãi vay phải trả Tổng Công ty	22.650.368	
Phí bảo lãnh phải trả Tổng Công ty	337.950.938	
Ban điều hành dự án thủy điện Lai Châu		
Doanh thu xây lắp, điện nước	26.585.796.497	38.364.170.248
Ban điều hành dự án thủy điện Xê ca mản 1		
Doanh thu xây lắp, điện nước	30.159.226.064	15.478.080.360
Ban điều hành dự án thủy điện Đồng Nai 5		
Doanh thu xây lắp, điện nước, trực tiếp phí khác		30.301.301.474
Công ty Cổ phần Sông Đà 2		
Doanh thu cung cấp điện	3.814.425.170	6.266.659.333
Công ty Cổ phần Sông Đà 3		
Doanh thu cung cấp điện	4.731.232.816	4.100.580.782
Công ty Cổ phần Sông Đà 4		
Doanh thu bán điện, nước	7.709.946.751	10.796.392.962

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 5 Doanh thu bán điện, nước	3.582.585.123	9.646.184.677
Công ty Cổ phần Sông Đà 6 Doanh thu hoạt động xây dựng Doanh thu bán điện, nước Doanh thu bán vật tư	4.420.388.810 612.147.086 5.622.536	32.988.979.616 657.365.876
Công ty Cổ phần Sông Đà 7 Doanh thu bán điện	6.093.750.644	5.518.497.271
Công ty Cổ phần Sông Đà 8 Doanh thu bán điện		12.604.680
Công ty Cổ phần Sông Đà 9 Doanh thu bán điện, nước Doanh thu bán vật tư	1.654.555.830 5.160.204	1.337.462.088 23.181.345
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 Doanh thu bán điện, nước	2.862.379.422	6.682.655.785
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 Doanh thu cung cấp dịch vụ Chi phí xây lắp	(878.380.698) 3.055.202.881	2.816.787
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội Doanh thu bán điện, nước	488.356.301	
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà Doanh thu bán điện, nước	491.875.104	181.714.062
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn Giá vốn thuê truyền tải	142.573.105	130.618.489
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến Doanh thu bán điện		133.910.578
Công ty Cổ phần thủy điện Nậm He Doanh thu xây lắp thực hiện		3.826.809.091
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco Doanh thu bán điện		30.451.116
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà Doanh thu bán điện		24.740.442
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long Doanh thu xây lắp thực hiện	54.658.227	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	129.012.247	
Giảm giá hàng bán		384.619.738
Cộng	<u>129.012.247</u>	<u>384.619.738</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	-	1.838.140.141
Giá vốn của điện thương phẩm	16.358.297.368	8.068.222.765
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	771.412.968.900	999.036.915.962
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	153.109.436.363	116.143.137.830
Cộng	<u>940.880.702.631</u>	<u>1.125.086.416.698</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	178.077.779	
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	477.968.675	543.090.085
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		214.630.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	742.500.000	
Lãi cho vay	729.055.042	75.479.488
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	235.967.331	301.365.657
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		97.022
Phí bảo lãnh	760.242.558	754.333.563
Cộng	<u>3.123.811.385</u>	<u>1.888.995.815</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	17.652.222.257	19.572.446.781
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.201.421	7.921
Phí cam kết tín dụng	127.063.026	
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	165.196.304	
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	2.392.563.023	5.408.350.000
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	48.000.000	
Phí bảo lãnh, phụ phí	7.148.881.737	3.987.620.706
Chi phí tài chính khác		587.845.535
Cộng	<u>27.535.127.768</u>	<u>29.556.270.943</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	87.590.360	
Các chi phí khác	14.000.000	
Cộng	<u>101.590.360</u>	

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	44.779.181.454	41.205.711.783
Chi phí vật liệu quản lý	2.930.682.133	3.706.514.449
Chi phí đồ dùng văn phòng	646.694.578	1.466.390.341
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.834.026.358	3.171.835.128
Thuế, phí và lệ phí	425.915.516	576.554.643
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	(18.276.676.198)	56.444.072.767
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.369.578.406	5.906.355.196
Lợi thế thương mại	1.467.801.911	555.000.000
Các chi phí khác	10.784.813.482	11.921.714.102
Cộng	<u>50.962.017.637</u>	<u>124.954.148.409</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	955.344.066	194.460.728
Xử lý công nợ	2.132.012.394	56.748.533
Bán hồ sơ thầu	38.183.000	
Bán xăng dầu, vật tư, công cụ	151.771.440	
Cho thuê cáp	10.000.000	
Cấp điện	477.722.516	
Thu nhập khác	1.065.058.340	187.652.632
Cộng	<u>4.830.091.756</u>	<u>438.861.893</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tồn thất dự án đầu tư	-	5.158.605.425
Tiền phạt chậm nộp BHXH, phạt thuế	3.083.862.012	3.078.626.120
Xử lý công nợ	494.560.216	
Thuế GTGT không được khấu trừ	172.116.861	
Xử lý vật tư mất	839.414.335	1.222.283.347
Bán xăng dầu, vật tư, công cụ	122.261.427	
Phạt chậm tiến độ theo hợp đồng	21.784.300	
Chi phí bảo lãnh dự thầu do hủy gói thầu	150.000.000	
Chi phí khác	1.002.738.796	127.578.739
Cộng	<u>5.886.737.947</u>	<u>9.587.093.631</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(2.264.039.122)	(45.929.402)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	14.814.895	
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.899.891.637	
Cộng	<u>(349.332.590)</u>	<u>(45.929.402)</u>

11. Lãi trên cổ phiếu

11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	91.723.641.308	44.977.067.406
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.668.945.652)	(2.730.422.439)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	88.054.695.656	42.246.644.967
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.553.105	11.553.105
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>7.622</u>	<u>3.657</u>

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.553.105	11.553.105
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm		
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>11.553.105</u>	<u>11.553.105</u>

11b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 3.893 VND xuống còn 3.657 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty đã chuyển 20.000.000.000 VND (Hai mươi tỷ đồng) nợ phải thu về khối lượng xây lắp Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn thành vốn góp vào Công ty này

2. Tiền thu từ đi vay

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

3. Tiền trả nợ gốc vay

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.196.257.360	1.951.701.591
Phụ cấp	218.100.000	248.000.000
Cộng	2.414.357.360	2.199.701.591

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác

Tổng Công ty Sông Đà

Các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty Sông Đà

Mối quan hệ

Cổ đông lớn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết. Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng công ty Sông Đà		
Cơ quan Tổng Công ty cung cấp dịch vụ	31.818.182	141.000.249
Lãi vay phải trả cơ quan Tổng công ty	22.650.368	
Phí bảo lãnh phải trả cơ quan Tổng công ty	337.950.938	
Chi phí dịch vụ - BDH dự án thủy điện Lai Châu cung cấp	58.787.111	
Công ty Cổ phần Sông Đà 3		
Mua nguyên vật liệu	229.088.277	
Chi phí xây lắp	7.432.211.414	
Công ty Cổ phần Sông Đà 5		
Chi phí thuê máy và mua vật tư	2.574.000	4.580.540
Công ty Cổ phần Sông Đà 9		
Chi phí thuê máy và mua vật tư	158.543.686	23.181.345
Chi phí thí nghiệm công trình		81.686.139
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà		
Chi phí thí nghiệm công trình	43.189.327	81.686.139
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn		
Chi phí thuê truyền tải	142.573.105	130.618.489
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà		
Chi phí hoạt động xây dựng	4.480.308.001	
Công ty Cổ phần Thép Việt Ý		
Chi phí mua vật tư	3.321.545.200	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà		
Chi phí dịch vụ	257.503.666	

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.15, V.16, V.18, V.19 và V.20.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực khác: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình, kinh doanh bán đá và cung cấp các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	931.125.500.073	203.375.234.129	1.134.500.734.202
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	931.125.500.073	203.375.234.129	1.134.500.734.202
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	159.712.531.173	33.907.500.398	193.620.031.571
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(51.063.607.997)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			142.556.423.574
Doanh thu hoạt động tài chính			3.123.811.385
Chi phí tài chính			(27.535.127.768)
Thu nhập khác			4.830.091.756
Chi phí khác			(5.886.737.947)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(22.214.652.071)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			349.332.590
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			95.223.141.519
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	360.446.683.320	78.728.300.971	439.174.984.291
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	15.685.238.310	3.425.949.577	19.111.187.887
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	10.850.007.911	2.369.844.773	13.219.852.684
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.184.226.836.054	160.218.465.662	1.344.445.301.716
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.184.226.836.054	160.218.465.662	1.344.445.301.716

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	185.189.920.092	34.168.964.926	219.358.885.018
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(124.954.148.409)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			94.404.736.609
Doanh thu hoạt động tài chính			1.888.995.815
Chi phí tài chính			(29.556.270.943)
Thu nhập khác			496.928.438
Chi phí khác			(9.645.160.176)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(12.658.091.739)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			45.929.402
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			44.977.067.406
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	12.566.081.462	1.700.112.031	14.266.193.493
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	16.842.798.291	2.278.725.002	19.121.523.293
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	11.334.798.968	1.533.527.230	12.868.326.198
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:			
	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	590.937.977.126	496.550.679.548	1.087.488.656.674
Tài sản phân bổ cho bộ phận			276.744.607.554
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			1.364.233.264.228
Tổng tài sản			
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	441.533.023.106	435.759.716.942	877.292.740.048
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			69.266.517.122
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			946.559.257.170
Tổng nợ phải trả			
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	588.862.789.538	69.447.106.975	658.309.896.513
Tài sản phân bổ cho bộ phận			259.876.276.489
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			918.186.173.002
Tổng tài sản			
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	115.238.031.723	73.867.807.641	189.105.839.364
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			439.079.264.082
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			628.185.103.446
Tổng nợ phải trả			

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán hợp nhất					
Phải thu ngắn hạn khác	136	19.868.860.162	23.526.707.839	43.395.568.001	(i)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	50.000.000	50.000.000	(i)
Tài sản ngắn hạn khác	155	23.576.707.839	(23.576.707.839)	-	(i)
Quỹ đầu tư phát triển	418	60.587.870.009	8.687.043.531	69.274.913.540	(ii)
Quỹ dự phòng tài chính		8.687.043.531	(8.687.043.531)	-	(ii)
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất					
Thu nhập khác	31	496.928.438	(58.066.545)	438.861.893	(iii)
Chi phí khác	32	9.645.160.176	(58.066.545)	9.587.093.631	(iii)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất					
Tăng, giảm các khoản phải thu	9	(76.490.520.608)	5.000.000.000	(71.490.520.608)	(iv)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(5.000.000.000)	(5.000.000.000)	(iv)

- (i) Phải thu ngắn hạn khác, tài sản thiếu chờ xử lý và tài sản ngắn hạn khác:
Trình bày lại số dư tạm ứng và Tài sản thiếu chờ xử lý đang phản ánh ở chỉ tiêu “tài sản ngắn hạn khác” sang các chỉ tiêu “ Phải thu ngắn hạn khác” và “tài sản thiếu chờ xử lý”
- (ii) Quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính
Chuyển số dư Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển.
- (iii) Thu nhập khác và Chi phí khác

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lỗ hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là chênh lệch nhỏ hơn giữa thu từ thanh lý, nhượng bán với giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý nhượng bán và chi phí thanh lý được trình bày thuần ở chi tiêu “Chi phí khác”.

- (iv) Tăng, giảm các khoản phải thu và Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh
Trình bày lại khoản tăng, giảm chứng khoán kinh doanh ở chi tiêu riêng trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách tìm hiểu kỹ thông tin về khả năng tài chính trước khi giao dịch với khách hàng. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Tập đoàn cho công ty là bên liên quan vay tiền. Đơn vị này có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.9 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	209.014.051.321				209.014.051.321
Chứng khoán kinh doanh		22.688.821.388			22.688.821.388
Phải thu khách hàng	302.733.570.384			72.236.326.692	374.969.897.076
Các khoản cho vay	795.721.745				795.721.745
Các khoản phải thu khác	9.737.459.365				9.737.459.365
Cộng	522.280.802.815	22.688.821.388	-	72.236.326.692	617.205.950.895
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	110.417.623.221				110.417.623.221
Chứng khoán kinh doanh	10.947.000.000	11.802.000.000			22.749.000.000
Phải thu khách hàng	374.900.118.598			80.126.384.050	455.026.502.648
Các khoản cho vay	795.721.745				795.721.745
Các khoản phải thu khác	17.031.507.612				17.031.507.612
Cộng	514.091.971.176	11.802.000.000	-	80.126.384.050	606.020.355.226

4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả người bán	240.882.037.055	136.130.453.646	102.071.846.756	479.084.337.457
Vay và nợ	152.825.826.984	16.940.552.512		169.766.379.496
Các khoản phải trả khác	132.595.271.343	36.103.409.966		168.698.681.309
Cộng	<u>526.303.135.382</u>	<u>189.174.416.124</u>	<u>102.071.846.756</u>	<u>817.549.398.262</u>
Số đầu năm				
Phải trả người bán	172.161.965.284	13.692.367.374	29.954.997.644	215.809.330.302
Vay và nợ	157.249.084.648	15.262.580.255		172.511.664.903
Các khoản phải trả khác	24.664.142.203	6.081.995.811		30.746.138.014
Cộng	<u>354.075.192.135</u>	<u>35.036.943.440</u>	<u>29.954.997.644</u>	<u>419.067.133.219</u>

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	<u>Số đầu năm (USD)</u>	<u>Số cuối năm (USD)</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.338,78	5.779,88
Các khoản phải trả khác	(100.000,00)	(99.890,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	<u>(90.661,22)</u>	<u>(94.110,12)</u>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận trước/sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối năm (VND)</u>	<u>Số đầu năm (VND)</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	80.000.000.000	
Các khoản cho vay	795.721.745	
Vay và nợ	(479.084.337.457)	(215.809.330.302)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(398.288.615.712)	(215.809.330.302)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 6.372.617.851 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 3.366.625.553 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết của Tập đoàn tại ngày kết thúc năm tài chính là 14.317.908.365 VND (số đầu năm là 16.770.650.000 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

4d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn không thế chấp tài sản nào cho đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	209.014.051.321		110.417.623.221	
Chứng khoán kinh doanh	22.688.821.388	(8.370.913.023)	22.749.000.000	(5.978.350.000)
Phải thu khách hàng	374.969.897.076	(47.196.379.297)	455.026.502.648	(65.473.055.495)
Các khoản cho vay	795.721.745		795.721.745	
Các khoản phải thu khác	9.737.459.365		17.031.507.612	
Cộng	617.205.950.895	(55.567.292.320)	606.020.355.226	(71.451.405.495)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	479.084.337.457	215.809.330.302
Vay và nợ	169.766.379.496	172.511.664.903
Các khoản phải trả khác	168.698.681.309	30.746.138.014
Cộng	817.549.398.262	419.067.133.219

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Lập, ngày 23 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn